

Ngày thi: 13/01/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20				25				55	100			
1	152222759	PHAN THANH DŨNG	K15XDC	9				8				7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
2	152222757	ĐỖ VĂN HẬU	K15XDC	9				8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám		
3	152222018	NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	K15XDC	9				8.5				8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
4	152222787	LÊ HOÀNG	K15XDC	9				8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba		
5	152222792	VÕ MẠNH HÙNG	K15XDC	9				9				7.5	8.2	Tám phẩy Hai		
6	152222781	BÙI QUANG PHƯƠNG	K15XDC	10				9				8	8.7	Tám phẩy Bảy		
7	152222768	TRẦN THỊ MINH TRÂN	K15XDC	9				9				8	8.5	Tám phẩy Năm		
8	152222793	PHẠM MAI TRUNG	K15XDC	10				7.5				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
9	152222788	LÊ VĂN DŨNG	K15XDC	10				9				8	8.7	Tám phẩy Bảy		
10	132224718	TRẦN VĂN HẢI	K15XDC	9				8.5				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
11	152222778	TRƯƠNG XUÂN HOÀNG	K15XDC	9				8				7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
12	152222786	LÊ HÀ PHƯƠNG	K15XDC	9				8				8	8.2	Tám phẩy Hai		
13	152222761	HOÀNG HỒNG QUÂN	K15XDC	9				9				8.5	8.7	Tám phẩy Bảy		
14	142221361	NGUYỄN VĂN TÂN	K15XDC	9				8.5				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
15	152226201	PHẠM TRIỆU THANH	K15XDC	9				8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba		
16	142224798	LÊ VĂN THÀNH	K15XDC	9				9				7	7.9	Bảy phẩy Chín		
17	152222796	VŨ VĂN HỢP	K15XDC	8				8				7	7.5	Bảy phẩy Năm		
18	152222776	TRẦN DUY KHÁNH	K15XDC	8				7.5				6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
19	152222769	TRẦN VŨ HOÀNG LINH	K15XDC	8.5				8.5				7.5	8.0	Tám		
20	152523800	LÊ VĨNH LỢI	K15XDC	8.5				8.5				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
21	152222791	TRẦN VIỆT LONG	K15XDC	8				8				6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
22	152222772	TRẦN ANH QUÂN	K15XDC	8				7.5				7	7.3	Bảy phẩy Ba		
23	152222764	LÊ VĂN THÀNH TÀI	K15XDC	8				8				6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
24	152222762	NGUYỄN DUY TÂN	K15XDC	8				7.5				6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
25	152222765	NGÔ VĂN ĐIỀU	K15XDC	8				6				7.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
26	152222780	ĐÌNH QUỐC HUY	K15XDC	7				6				7	6.8	Sáu phẩy Tám		
27	152226328	VÕ ĐỨC HUY	K15XDC	7				6				5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
28	152225957	LÊ ĐỨC LỢI	K15XDC	9				9				7.5	8.2	Tám phẩy Hai		
29	152222755	LƯU VĂN TRAI	K15XDC	7.5				6				5.5	6.0	Sáu		
30	152226072	LÊ ĐỨC TRƯỜNG	K15XDC	9				7.5				7	7.5	Bảy phẩy Năm		
31	152222798	PHAN ANH TUÂN	K15XDC	9.5				9				8	8.6	Tám phẩy Sáu		
32	152222770	TRƯƠNG VĂN TUẦN	K15XDC	8				6.5				5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
33	152222758	LÊ QUANG ĐẠO	K15XDC	8				7				7	7.2	Bảy phẩy Hai		
34	152222767	NGUYỄN ĐỨC DOÃN	K15XDC	9				8				7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
35	152222756	MAI HỮU HẬU	K15XDC	6				5				V	0.0	Không		
36	152333173	ĐÌNH LONG HOÀNG	K15XDC	9				8				6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
37	152225758	NGUYỄN TIẾN LỘC	K15XDC	9				8				7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
38	142211236	NGUYỄN DUY LUÂN	K15XDC	9				7.5				7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
39	168222073	Trần Đình Đức	T16XDC	8				7				5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
40	168222085	Nguyễn Thanh Kha	T16XDC	7				6.5				5.5	6.1	Sáu phẩy Một		

Ngày thi:		13/01/2014												LẦN THI		1	
STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				20				25				55	100				
41	142221371	Hồ Thanh	Tuyên	K14XDC	6				6				V	0.0	Không		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	39	95%	
2	Số sinh viên nợ	2	5%	
TỔNG CỘNG :		41	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân